

LUẬN TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 33

LUẬN VỀ ÁI KÍNH (Phần 5)

Niết-bàn nên nói là Học-Vô học hay là Phi học phi vô học? Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây tuy nói có hai loại Niết-bàn, mà chưa nói rõ Niết-bàn là Học-là Vô học hay là Phi học phi phi học, nay cần nói đến điều ấy. Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp Niết-bàn là có Học-có Vô học-Phi học phi vô học; như phái Độc Tử Bộ đã chấp. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày Niết-bàn chỉ là Phi học phi vô học, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Niết-bàn nên gọi là Học-là Vô học hay là Phi học phi vô học?

Đáp: Niết-bàn nên nói là Phi học phi vô học, bởi vì nghĩa về Học và Vô học không tương ứng nhau. Nghĩa là quả khác nhau thì rõ ràng là do sự tiến tu, cho nên gọi là Học; tiến tu đầy đủ lại không có quả nào khác để có thể tiến tu, là chủng loại của học mà không phải chính là Học ấy, cho nên gọi là Vô học. Niết-bàn đối với hai nghĩa này đều không có, cho nên gọi là Phi học phi vô học.

Có người đưa ra cách nói như vậy: Niết-bàn là có Học-có Vô học và có Phi học phi vô học. Như phái Độc Tử Bộ, họ đưa ra cách nói này: “Tự tánh Niết-bàn có ba loại tướng: Học, Vô học. Phi học phi vô học. Thế nào là Học? Nghĩa là Học đạt được các kiết đoạn trừ, đạt được Xúc chứng. Thế nào là Vô học? Nghĩa là Vô học đạt được các kiết đoạn trừ, đạt được Xúc chứng. Thế nào là Phi học phi vô học? Nghĩa là hữu lậu đạt được các kiết đoạn trừ, đạt được Xúc chứng.”

Cách nói ấy có sai lầm, bởi vì Niết-bàn lại có ba loại đạt được? Có

ba loại đạt được thì phải có ba tướng, nên pháp không thể nào có ba loại thể, bởi vì tướng chính là Thể. Vì ngăn chặn cách nói ấy, cho nên đưa ra cách nói như vậy: Ở trong nghĩa này, Niết-bàn chỉ nên nói là Phi học phi vô học. Nghĩa là ở trong nghĩa không có gì trái ngược của luận này, chỉ nên nói rằng Niết-bàn chỉ là tánh Phi học Phi vô học, bởi vì tướng thường trú không có gì thay đổi. Trong này, Luận Chủ bàn đến đây thì cần phải dẫn lại, nếu đưa ra cách nói khác thì chỉ uống công vô ích.

Có người nói: Trong này cần phải đưa ra cách nói khác, bởi vì hỏi-đáp để quyết định chọn lựa làm cho lý càng rõ ràng hơn. Nghĩa là Luận giả Ứng Lý tranh biện với Luận giả Phân biệt, những điều đã nói có sai lầm để hiển bày điều mình nói không có gì sai sót.

Luận giả phân biệt đã nói có hai cách:

1. Nói Niết-bàn trước là Phi học phi vô học sau chuyển thành Học, trước là Học sau chuyển thành Vô học, trước là Vô học lại chuyển thành Học;

2. Nói Niết-bàn có ba loại, nghĩa là Học thì thường là Học, Vô học thì thường là Vô học, Phi học Phi vô học thì thường là Phi học phi vô học.

Nếu đối chiếu cách nói trước để giải thích đoạn văn này, mà ông nói Niết-bàn là có Học-có Vô học-có Phi học phi vô học chẳng? Đây là Luận giả Ứng Lý hỏi, xác định lại tông chỉ trước đây. Nếu không xác định tông chỉ của người ta mà nói họ sai lầm thì không hợp với lý.

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả phân biệt trả lời: Tôi nói Niết-bàn chuyển biến không nhất định, có thể có ba loại cho nên nói đúng như vậy.

Sao ông cần phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ dục tham và sân giận, đạt được Phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, ngay lúc ấy chưa đạt được hiện quán đối với bốn đế, tu tập hiện quán, đạt được hiện quán rồi, chứng quả Bất hoàn chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận giả Ứng Lý hỏi.

Người tu hành ấy trước là dị sinh nay chuyển thành Học, hay lìa xa hệ thuộc đạt được mà chuyển thành Học chẳng?

Trả lời đúng như vậy! Là luận giả phân biệt trả lời. Thuật lại câu hỏi trước, đối với lý không có gì trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại, sao ông cần phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ dục tham và sân giận, đạt được Phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, về sau chứng quả Bất hoàn thì ngay lúc ấy lìa xa hệ thuộc phải chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận

giả Ứng lý hỏi vặn.

Tông chỉ của Luận giả Phân biệt e rằng Luận giả Ứng lý thuật lại không hợp với lý, ngay lập tức lại dùng lý chất vấn rằng: Nếu người ta tu hành lúc này chuyển thành Học, thì trước kia phải là thể thường trú của Học, chưa chứng quả Bất hoàn, chưa có Học đạt được, đã gọi là Học thì không hợp với chánh lý.

Sao ông cần phải cho rằng A-la-hán hưởng học, đoạn trừ các kiết, chứng quả A-la-hán, lúc ấy chuyển thành Vô học chẳng?

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Phân biệt trả lời. Thuật lại câu hỏi trước, đối với lý không có trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại, sao ông cần phải cho rằng A-la-hán hưởng học, đoạn trừ các kiết ấy phải chuyển thành Vô học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi vặn.

Tông chỉ của Luận giả Phân biệt e rằng Luận giả Ứng lý thuật lại không hợp với lý, ngay lập tức lại dùng lý chất vấn rằng: Nếu người ta tu hành lúc này thành Vô Học, thì trước kia phải là thể thường trú của Vô Học, chưa chứng quả A-la-hán, không có Vô học đạt được, đã gọi là Vô Học thì không hợp với chánh lý.

Sao ông cần phải cho rằng A-la-hán Vô học đoạn trừ kiết, lúc lui sụt quả A-la-hán, lúc ấy chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi.

Người tu hành ấy trước kia là Vô học, nay chuyển thành Học, hay là lìa xa hệ thuộc đạt được mà chuyển thành Học chẳng?

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Phân biệt trả lời. Thuật lại câu hỏi trước, đối với lý không có trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại, sao ông cần phải cho rằng A-la-hán Vô học, đoạn trừ các kiết, lúc lui sụt quả A-la-hán, thì lúc ấy phải chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi vặn.

Tông chỉ của Luận giả Phân biệt e rằng Luận giả Ứng lý thuật lại không phù hợp với lý, ngay lập tức lại dùng lý chất vấn rằng: Nếu người tu hành đến lúc này chuyển thành Học, thì trước kia phải là Thể thường trú của Học, chưa lui sụt quả A-la-hán, không có Học đạt được, đã gọi là Học thì không phù hợp với chánh lý.

Nếu đối chiếu cách nói sau để giải thích đoạn văn này, mà ông nói Niết-bàn có Học-có Vô Học và có Phi học phi vô học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi, xác định lại Tông chỉ trước đây. Nếu không xác định Tông chỉ của người ta mà nói họ sai lầm thì không hợp lý.

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Phân biệt trả lời. Tôi nói thể

loại của Niết-bàn sai biệt, chắc chắn có ba loại cho nên nói đúng như vậy.

Sao ông phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ dục tham và sân giận, đạt được Phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, ngay lúc ấy chưa đạt được hiện quán đối với Bốn đế, tu tập hiên quán, đạt được hiện quán rồi, chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi.

Người tu hành ấy trước kia là dị sinh nay chuyển thành Học, hay là lìa xa hệ thuộc đạt được mà thành Học chẳng?

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Phân biệt trả lời, đối với lý không có gì trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại, Sao ông phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ dục tham và sân giận, đạt được Phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, về sau chứng được quả Bất hoàn, thì ngay lúc ấy lìa xa hệ thuộc phải chuyển thành Học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý chất vấn.

Ông nói Niết-bàn tùy theo Học mà đạt được mà thành Học, nay đã có Học đạt được thì phải chuyển thành Học, nếu người tu hành đến lúc này chuyển thành Học thì trước kia phải là Thế thường trú của Học? Là Luận giả Phân biệt hỏi vặn lại để thông tỏ chất vấn.

Tôi nói Niết-bàn là Học thì thường là Học, chưa chứng quả Bất hoàn, chưa có Học đạt được, đã gọi là Học thì không phù hợp với chánh lý. Đây là Luận giả Ứng lý thông tỏ lời hỏi của Luận giả Phân biệt, tiếp tục trở thành lời chất vấn trước đây. Nghĩa là trước kia vào lúc chưa chứng quả Bất hoàn, chưa có Học đạt được, có thể đoạn trừ kiết lậu năm Hạ phần, đoạn trừ kiết ấy có thể không gọi là Học, nay có Học đạt được có thể đoạn trừ kiết ấy, vì sao không gọi là Học? Nếu có Học đạt được mà không gọi là Học, thì không nên nói Niết-bàn tùy theo Học đạt được mà nói là Học. Sao ông không cần phải cho rằng A-la-hán hưởng Học đoạn trừ các kiết, chứng quả A-la-hán, lúc ấy chuyển thành Vô học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý hỏi.

Người ta tu hành trước kia là Học nay chuyển thành Vô học, hay là lìa xa hệ thuộc đạt được mà chuyển thành Vô học chẳng?

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả phân biệt trả lời. Thuật lại câu hỏi trước, đối với lý không có trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại sao ông cần phải cho rằng A-la-hán hưởng Học đoạn trừ các kiết, lúc chứng quả A-la-hán, thì đoạn trừ kiết ấy phải chuyển thành Vô học chẳng? Đây là Luận giả Ứng lý chất vấn.

Ông nói Niết-bàn tùy theo Vô học đạt được thành Vô học, nay đã có Vô học đạt được thì phải chuyển thành Vô học. Nếu người tu hành đến lúc này thành Vô học, thì trước kia phải là thể thường trú của Vô học? Là Luận giả Phân biệt hỏi vặn để thông tỏ chất vấn.

Tôi nói Niết-bàn là Vô học thì thường là Vô học, chưa chứng quả A-la-hán, không có Vô học đạt được, đã gọi là Vô học thì không hợp với chánh lý. Đây là Luận giả Ứng lý thông tỏ lời hỏi vặn của Luận giả Phân biệt, tiếp tục trở thành lời chất vấn trước đây. Nghĩa là trước kia lúc chưa chứng quả Vô học, không có Vô học đạt được, có thể đoạn trừ tất cả các kiết, đoạn trừ kiết ấy không thể gọi là Vô học, nay đã có Vô học đạt được có thể đoạn trừ kiết ấy, vì sao không gọi là Vô học? Nếu có Vô học đạt được mà không gọi là Vô học, thì không nên nói Niết-bàn tùy theo Vô học đạt được mà nói là Vô học.

Sao ông cần phải cho rằng các A-la-hán Vô học đoạn trừ kiết, lúc lui sụt quả A-la-hán, thì lúc ấy chuyển thành Học chăng? Đây là Luận giả ứng lý hỏi.

Người tu hành ấy trước kia là Vô học nay chuyển thành Học, hay là lìa xa hệ huộc đạt được mà chuyển thành Học chăng?

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Phân biệt trả lời. Thuật lại câu hỏi trước đối với lý không có gì trái ngược cho nên nói đúng như vậy.

Vả lại sao ông cần phải cho rằng các A-la-hán Vô học đoạn trừ kiết, lúc lui sụt quả A-la-hán, thì đoạn trừ kiết ấy phải chuyển thành Học chăng? Đây là Luận giả Ứng lý chất vấn.

Ông nói Niết-bàn tùy theo học đạt được mà thành Học, nay đã có Học đạt được thì phải chuyển thành Học. Nếu người tu hành lúc này chuyển thành Học, thì trước kia phải là Thể thường trú của Học? Là Luận giả Phân biệt hỏi vặn lại để thông tỏ chất vấn.

Tôi nói Niết-bàn là học thì thường là Học, chưa lui sụt quả A-la-hán, không có Học đạt được, đã gọi là Học thì không hợp với chánh lý. Đây là Luận giả Ứng lý thông tỏ lời hỏi vặn của Luận giả Phân biệt, trở thành lời chất vấn trước đây. Nghĩa là trước kia vào lúc chưa lui sụt quả Vô học, chưa có Học đạt được, có thể đoạn trừ phần kiết do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn, đoạn trừ kiết ấy có thể không gọi là Học, nay đã có Học đạt được có thể đoạn trừ kiết ấy, vì sao không gọi là Học? Nếu có Học đạt được mà không gọi là Học, thì không nên nói Niết-bàn tùy theo Học đạt được mà nói là Học.

Lại nữa, có bài tụng khác nói: Ông nói Niết-bàn chỉ là Phi học phi vô học chăng? Còn lại như tụng trước đây. Nếu dựa vào tụng này

thì cần phải đưa ra cách nói như vậy: trong này đủ hỏi đáp chất vấn và thông tỏ. Nghĩa là Luận giả phân biệt hỏi, Luận giả Ứng Lý trả lời, Luận giả Phân biệt chất vấn, Luận giả Ứng lý thông tỏ.

Ông nói Niết-bàn chỉ là Phi học Phi vô học? Đây là Luận giả Phân biệt hỏi, xác định lại tông chỉ trước đây. Nếu không xác định tông chỉ của người ta mà nói lầm thì không hợp lý.

Trả lời đúng như vậy! Là Luận giả Ứng lý trả lời. Tôi nói Niết-bàn chỉ là Phi học phi vô học, bởi vì đúng với lý và thuận với kinh cho nên nói đúng như vậy.

Sao ông cần phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ tham dục và sân giận, đạt được phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, ngay lúc ấy chưa đạt được hiện quán đối với Bốn đế, tu tập Hiện quán đạt được hiện quán rồi chứng quả Bất hoàn chuyển thành Học chăng? Đây là Luận giả phân biệt hỏi, nghĩa như trước giải thích.

Trả lời đúng như vậy! là Luận giả Ứng lý trả lời, nghĩa như trước giải thích.

Vả lại, sao ông cần phải cho rằng người tu hành trước tiên dùng đạo thế tục để vĩnh viễn đoạn trừ dục tham và sân giận, đạt được Phi học phi vô học, lìa xa hệ thuộc đạt được, về sau chứng quả Bất hoàn, thì lìa xa hệ thuộc ấy phải chuyển thành Học. Đây là Luận giả Phân Biệt chất vấn.

Như pháp hữu vi tương tự cùng với đạt được, đã có Học đạt được, có thể đoạn trừ kiết ấy, thì lúc đoạn trừ kiết ấy phải chuyển thành Học. Nếu người tu hành đến lúc này chuyển thành Học, thì trước kia phải là thể Thường trú của Học? Đây là Luận giả Ứng lý thông tỏ.

Các pháp hữu vi chuyển biến không nhất định, và có tác dụng có thể tùy theo đạt được mà nói, Niết-bàn thường trú không có tác dụng, không tùy theo đạt được mà biến đổi. Nếu lúc này là Học thì trước kia cũng phải là Học, thì e rằng Luận giả Phân biệt thuật lại không hợp lý, ngay lập tức lại dùng lý để chất vấn rằng: Chưa lui sụt quả A-la-hán, không có Học đạt được, đã gọi là Học thì không hợp với chánh lý.

Trong hai đoạn văn này, đoạn trước là ngăn chặn cách nói về Niết-bàn có chuyển biến, đoạn sau là ngăn chặn cách nói về Niết-bàn có quyết định, cả hai đoạn đều hiển bày Thể thường trú của Niết-bàn chỉ là tánh Phi học phi vô học, không nên gọi là Học.

Lại nữa, Niết-bàn không phải trước là Phi học phi vô học. Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Vì sao phải soạn ra phần luận này?

Đáp : Vì muốn làm cho nghĩa trước đây được sáng tỏ rõ ràng. Nghĩa là trước đây tuy phân biệt rộng ra mà nghĩa ý chưa sáng tỏ rõ ràng lắm, nay cần phải nói sơ lược về tông chỉ của người khác có sai lầm, mà tông chỉ của mình không có gì sai sót, cho nên soạn ra phần luận này. Lại nữa, Niết-bàn không phải trước là Phi học phi vô học, sau chuyển thành Học; trước là Học sau chuyển thành Vô học; trước là Vô học sau lại chuyển thành Học; là ý ngăn chặn cách nói về Niết-bàn tùy theo sự đạt được mà biến đổi, bởi vì Vô thường cho nên không hợp với chánh lý. Vả lại, Niết-bàn không phải là Học có Vô học và có Phi học phi vô học, là ý ngăn chặn về cách nói Thể loại của Niết-bàn sai biệt mà có ba loại khác nhau.

Nếu như vậy thì Niết-bàn tùy theo phần vị sai biệt, bởi vì có tạp loạn cho nên không hợp với chánh lý. Nghĩa là phần vị dị sinh có đủ ba mà đạt được nên, đến phần vị Hữu học có đủ ba mà đạt được hai, đến phần vị Vô học cũng có đủ ba loại. Nếu có đủ mà đạt được ba thì phải có Học đạt được, nếu chỉ đạt được hai thì sẽ không phải là đầy đủ. Đạt được Niết-bàn nếu phần vị Vô học dùng Vô học đạt được toàn bộ ba loại, các phần vị như hữu học... thuận theo cũng như vậy, thì không nên nói là Học đạt được đoạn trừ các kiết gọi là Học, Vô học đạt được đoạn trừ các kiết gọi là Vô học, hữu lậu đạt được đoạn trừ các kiết gọi là Phi học phi vô học. Nếu nói các phần vị tuy đều có đủ ba loại, mà tùy theo sự đạt được cho nên tất cả chỉ gọi là nên, vậy thì Niết-bàn tùy theo sự đạt được mà chuyển biến phải có lỗi vô thường như trước đã nói, do đó cách nói này cũng không hợp với lý. Nếu như vậy thì phải trở thành ba phần, bởi vì các pháp không quyết định cho nên phải có tạp loạn vậy thì không nên thiết lập tánh tướng của các pháp là có quyết định. Tổng quát là dùng chánh lý để phá bỏ hai cách nói trước, nghĩa là Luận giả Phân biệt đưa ra hai cách nói, nên là nói về Niết-bàn tùy theo phần vị không nhất định, nên là nói về Niết-bàn có ba loại tánh nhất định, vậy thì thể của Niết-bàn có Thường và Vô thường cho nên làm thành hai phần.

Lại nữa, cách nói sau của Luận giả Phân biệt, cũng tùy theo năng lực đạt được mà có nghĩa của sự chuyển biến, chuyển biến không phải là nên nên gọi là hai. Nếu không tùy theo mà đạt được chuyển biến, thì làm thế nào có thể nói Niết-bàn có đủ là Niết-bàn có ba loại ? Nếu nên Niết-bàn tùy theo đạt được mà chuyển biến, thì tất cả các pháp đều thuận theo không nhất định, nếu không quyết định thì phải có tạp

loạn, nếu có tạp loạn thì không nên thiết lập tánh tướng quyết định như Thường, Vô thường... Đức Phật cũng không nói Niết-bàn có tánh Học và tánh Vô học, là tổng quát dẫn chứng Thánh giác để phá bỏ hai cách nói trước, nghĩa là trong kinh nói: “Không hề nói Niết-bàn là Học có Vô Học”. Cách nói của Luận giả phân biệt quyết định là phi lý, tuy không có nơi nào nói Niết-bàn chỉ là Phi học phi vô học, nhưng bởi vì không tương ứng với nghĩa của Học Vô học, thì chắc chắn là tánh Phi học phi vô học. Bởi vì Niết-bàn luôn luôn là Phi học phi vô học, các pháp quyết định không có tạp loạn, Niết-bàn luôn luôn trú trong tự tánh chứ không rời bỏ tự tánh, thường trú không có thay đổi, cho nên Niết-bàn chỉ nên nói là Phi học phi vô học. Đã là nói về tông chỉ của người khác có sai lầm rồi, và hiển bày tông chỉ của mình không có những sai sót, bởi vì Niết-bàn chỉ là nên loại, tánh tướng của các pháp quyết định không có gì tạp loạn, Niết-bàn thường trú không có gì thay đổi, lý ấy thành tựu đích thực.

Nghĩa đạt được (Đắc) trong này, như trong phẩm Đắc ở chương Định Uẩn phân sau sẽ phân biệt rộng ra.

Như trong kinh nói: “Người tu hành thành tựu Vô học Giới Uẩn, Định Uẩn, Tuệ Uẩn, Giải thoát Uẩn và Giải thoát Tri kiến Uẩn. Cho đến nói rộng ra...”

Hỏi: vì sao soạn ra phần luận này ?

Đáp: Bởi vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Người tu hành thành tựu Giới Uẩn Vô học...” Cho đến nói rộng ra. Trong kinh tuy nói ra như vậy mà không phân biệt rộng hơn, thế nào là Giới Uẩn Vô học cho đến Giải thoát tri kiến uẩn Vô học? Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, những gì trong kinh không phân biệt, thì nay đều cần phải phân biệt. Lại nữa, trước đây nói về đạo quả mà chưa nói về đạo, nay cần phải nói đến điều ấy. Lại nữa, trước đây nói về quả A-la-hán Vô vi, nhưng chưa nói về quả A-la-hán Hữu vi, nay cần phải nói đến điều ấy. Lại nữa, trước đây nói về Niết-bàn, nhưng chưa nói về Bồ-đề, nay cần nói đến điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Cũng có thành tựu Học uẩn, hoặc là Phi học phi vô học uẩn, vì sao trong kinh không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết rằng nghĩa này có khác. Lại nữa, đây là Phật Thế Tôn nói nên cách giản lược cho các đệ tử. Lại nữa, đây là Phật Thế Tôn dựa vào Pháp thù thắng mà nói. Nghĩa là pháp Vô học thù thắng trong các pháp, hữu tình Vô học thù

thắng trong các hữu tình, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, đây là Phật Thế Tôn khen ngợi Trưởng tử, cho nên nói ra như vậy. Nghĩa là Đức Phật có lúc khen ngợi Trưởng tử, có lúc khen ngợi Trung tử, có lúc khen ngợi Ấu tử. Có lúc khen ngợi Trưởng tử, như bài kệ nói:

A-la-hán niềm vui bậc nhất, vì vĩnh viễn đoạn trừ khát ái,

Cũng vĩnh viễn đoạn trừ các mạn, phá toạc màng lưới của vô minh.

Có lúc khen ngợi Tung tử, như Đức Phật khen ngợi hàng Thánh giả Bất hoàn. Có lúc khen ngợi ấu tử, như rong kinh Trì dụ khen ngợi Dự lưu. Nay khen ngợi hàng Trưởng tử, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu có Giới uẩn thì không bị ác giới làm cho hư hoại, Định uẩn không bị tán loạn cho rối ren, Tuệ uẩn khôn có ác tuệ làm cho che lấp, Giải thoát uẩn không bị phiền não làm cho hỗn loạn, Giải thoát tri kiến không bị Vô minh làm cho mù昧, trong này nói đến vấn đề ấy; Học uẩn và phi học phi vô học uẩn, không có nghĩa như vậy cho nên không nói đến.

Hỏi: Thế nào là Giới uẩn Vô học?

Đáp: Thân luật nghi ngũ luật nghi Vô học và mạng thanh tịnh. Nghĩa là trong kinh nói: Trong chi Vô học thì Chánh nghiệp tức là thân luật nghi trong này, Chánh ngữ tức là ngữ luật nghi trong này, Chánh mạng tức là mạng thanh tịnh trong này. Kinh nói: Ba loại này gọi chung là Giới uẩn.

Hỏi: Là nghiệp thân ngữ không có Chánh mạng nào khác, vì sao trong này kiến lập ba loại?

Đáp: Bởi vì hai pháp hắc bạch đối lập với nhau mà kiến lập. Nghĩa là trong bảy nghiệp đạo bất thiện trước, do sân, si mà khởi thân nghiệp gọi là tà nghiệp, do sân si mà khởi ngữ nghiệp gọi là tà ngữ, do tham mà khởi thân ngữ nghiệp gọi là tà mạng, vốn là mạng sống bất chánh, xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh nghiệp Chánh ngữ và Chánh mạng.

Có người nói: Nếu vì mạng sống mà làm điều đùa cợt vui thú, khởi lên thân nghiệp ngữ nghiệp bất thiện thì gọi là tà mạng; nếu vì chuyện khác mà khởi lên thân nghiệp ngữ nghiệp bất thiện thì gọi là tà nghiệp tà ngữ; xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng... Có người nói: Nếu vì mạng sống mà làm những việc chú thuật trị bệnh, khởi lên thân nghiệp, ngữ nghiệp bất thiện thì gọi là tà mạng; nếu vì chuyện khác mà khởi lên thân nghiệp ngữ nghiệp bất thiện thì gọi là tà nghiệp tà ngữ; xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng... Có người nói: Nếu do bốn loại ái mà khởi lên thân nghiệp, ngữ nghiệp bất thiện thì gọi là tà mạng; nếu

do những chuyện khác mà khởi lên thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện thì gọi là tà nghiệp, tà ngữ; xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng... Có người nói: Nếu do năm loại như dua nịnh, lừa dối..., khởi lên thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện thì gọi là tà mạng; nếu do những chuyện khác khởi lên thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện thì gọi là tà nghiệp, tà ngữ; xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng... Có người nói: Giá tội của thân nghiệp, ngũ nghiệp gọi là tà mạng, tánh tội của thân nghiệp-ngũ nghiệp gọi là tà nghiệp, ngũ nghiệp, xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng... Có người nói: Sau gia hạnh khởi lên thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện, thì gọi là tà mạng; thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện thuộc nghiệp đạo căn bản, gọi là tà nghiệp, tà ngữ; xa lìa ba loại này thì gọi là Chánh mạng...

Hỏi: Vì sao Uẩn này gọi là Thi-la (giới)?

Đáp: Thi-la nghĩa là mát mẻ, bởi vì xa lìa sự nóng bức phiền muộn của phá giới. Lại nữa, Thi-la nghĩa là tập luyện học hành, ở trong ba học thì loại này đứng đầu tiên, như nói: Trì giới cho nên không có gì ân hận, cho đến nói rộng ra. Thân nghiệp, ngũ nghiệp vô lậu trong sự tương tục của Vô học, gọi là Giới uẩn Vô học.

Hỏi: Thế nào là Định uẩn Vô học?

Đáp: Tam-ma-địa Vô học, đó là Không, Vô nguyện, Vô tướng.

Hỏi: Thế của Định chỉ có nên, đó là Tam-ma-địa trong tâm sở pháp, vì sao kiến lập ba loại sai biệt?

Đáp: Bởi vì đối trị gần với ba loại chương nghĩa là Tam-ma-địa không đối trị gần với Hữu thân kiến, Tam ma địa Vô nguyện đối với trị gần với Giới cấm thủ, Tam-ma-địa Vô tướng đối trị gần với Nghi. Lại nữa, bởi vì hành tướng khác nhau, nghĩa là ba hành tướng của Tam-ma-địa Không đều chính là Không Vô ngã; mười hành tướng của Tam-ma-địa Vô nguyện đều chính là Khổ - Vô thường, Tập, Đạo đều có bốn; bốn hành tướng của Tam-ma-địa Vô tướng đều chính là duyên với bốn hành tướng của Diệt. Lại nữa, bởi vì ba sự việc:

1. Vì đối trị.

2. Vì ý lạc.

3. Vì sở duyên đối trị cho nên kiến lập Tam-ma-địa Không, nghĩa là hành tướng Vô ngã đối trị với Ngã kiến, hành tướng không đối trị với Ngã sở kiến. Như ngã kiến-Ngã sở kiến, Dĩ kiến-dĩ sở kiến, năm ngã kiến- mười lăm ngã sở kiến cũng như vậy. Lại nữa, hành tướng Vô ngã đối trị với ngã sở ái. Như Ngã ái-Ngã sở ái, Ngã mạn-ngã sở mạn cũng như vậy. Vì ý lạc cho nên kiến lập Tam-ma-địa Vô nguyện, nghĩa là

các bậc Hiền thánh bởi vì Ý lạc, cho nên không mong quả báo và thánh đạo. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các bậc Hiền thánh dựa vào Ý lạc, cho nên không mong cầu lưu chuyển với Thánh đạo trong Uẩn khổ của thế gian; dựa vào lưu chuyển và uẩn khổ của thế gian, cho nên cũng không mong duyên với hành tướng của Đạo. Tuy không phải không mong, mà vì Ý lạc cho nên thiết lập tên gọi Vô nguyện.

Hỏi: Vì sao Thánh giả tu tập Thánh đạo?

Đáp : Bởi vì Niết-bàn, nghĩa là ngoài Thánh đạo ra, lại không có pháp nào có năng lực đạt được Niết-bàn, cho nên tu tập Thánh đạo chứ không phải là Ý lạc vốn có.

Vì sở duyên cho nên kiến lập Tam-ma-địa Vô tướng, nghĩa là trong Diệt đế không có mười tướng, cho nên gọi là Vô tướng. Tướng của năm trần-nam nữ và ba pháp hữu vi, gọi là mười tướng. Lại nữa, bởi vì trong Diệt đế không có tướng Thượng-Trung-Hạ và tướng uẩn thế gian, cho nên gọi là vô tướng. Bốn hành tướng của Diệt lấy đây làm sở duyên cho nên gọi là Vô tướng.

Hỏi: Thế nào là Tuệ uẩn Vô học?

Đáp: Vô học chánh kiến trí, tụng này là hợp lý. Có tụng khác nói: Tám trí vô học, đó là bốn pháp trí và bốn loại trí. Tụng ấy quá tổng quát, bởi vì Tận trí và Vô sinh trí thâm nhiếp trong ấy. Có tụng khác nói: Vô học tác ý tương ứng với pháp chọn lựa cuối cùng-chọn lựa cao nhất, nói rộng ra cho đến Tỳ-bát-xá-na. Lại có tụng nói: Vô học trí kiến, minh giác hiện quán. Tụng ấy cũng rất tổng quát, bởi vì tận trí và Vô sinh trí cũng thâm nhiếp trong ấy.

Hỏi: Thế nào là Giải thoát Uẩn Vô học?

Đáp: Vô học tác ý tương ứng với tâm, đã thắng giải, đang thắng giải và sẽ thắng giải do uẩn này thâm nhiếp, chứ không phải là Giải Thoát kiến trí tương ứng và thắng giải do uẩn này thâm nhiếp, chứ không phải là Giải thoát Vô vi. Đó là trong tất cả các pháp có hai pháp gọi là giải thoát:

1. Trạch diệt, tức là giải thoát vô vi.
2. Thắng giải tức là giải thoát hữu vi. Đối với cảnh tự tại mà thiết lập tên gọi giải thoát, chứ không phải là nói đến lìa xa hệ thuộc.

Hỏi? Thế nào là Giải thoát trí kiến uẩn Vô học?

Đáp: Tận trí và Vô sinh trí

Hỏi: Vì sao hai loại trí này gọi là giải thoát trí kiến uẩn?

Đáp: Bởi vì trong thân Giải thoát chỉ có hai trí này, vì hai trí này có năng lực thẩm định và quyết đoán sự việc giải thoát vào bậc nhất.

Hỏi: Tuệ uẩn Vô học và Giải thoát trí kiến uẩn Vô học có gì sai biệt?

Đáp: Khổ Tập trí Vô học là Tuệ uẩn Vô học, bởi vì duyên với pháp ràng buộc; Diệt Đạo trí Vô học là Giải thoát là giải thoát trí kiến uẩn Vô học, bởi vì duyên với pháp giải thoát. Lại nữa, Khổ Tập diệt trí Vô học là Tuệ uẩn Vô học, bởi vì những này duyên với giải thoát vô vi hữu lậu chứ không duyên với trí vô lậu giải thoát; Đạo trí Vô học là Giải thoát trí kiến uẩn Vô học, bởi vì trí này duyên với giải thoát hữu vi vô lậu, cũng duyên với trí vô lậu duyên với giải thoát. Lại nữa, Khổ Tập Đạo trí Vô học là Tuệ uẩn Vô học, bởi vì không duyên với pháp lìa xa hệ thuộc. Đó gọi là sự sai biệt giữa Tuệ uẩn Vô học và Giải thoát trí kiến uẩn Vô học, đó gọi là sự sai biệt về tướng thô của thế tục. Nếu nói về sự sai biệt của thắng nghĩa chân thật, thì phải nói như trước, nghĩa là Vô học chánh kiến trí là Tuệ uẩn Vô học, Tận trí-Vô sinh trí là Giải thoát trí kiến uẩn Vô học. Lại nữa, đối trị tà tuệ là tuệ uẩn Vô học, đối trị không hiểu biết là Giải thoát trí kiến uẩn Vô học. Lại nữa, nếu tuệ mạnh mẽ, nhanh nhạy, suy xét tìm tòi tường tận, gia hạnh không ngừng, là tuệ uẩn Vô học; nếu tuệ uẩn không mạnh mẽ, không nhanh nhạy, không suy xét tìm tòi tường tận, ngừng nghỉ gia hạnh, là Giải thoát trí kiến uẩn Vô học.

Năm uẩn như vậy, về giới thì không phải là hệ thuộc ba cõi, về địa thì giới uẩn thuộc về sáu địa, đó là bốn tính lự Vị chí và Trung gian: bốn uẩn còn lại hệ thuộc về chín địa, đó là sáu địa trước và ba Vô sắc phía dưới.

Hỏi: Năm uẩn như vậy có sai biệt về phẩm Thượng Trung Hạ hay không?

Đáp: Trong nên tương tục không có sự sai biệt này, trong tương tục khác nhau thì có, nghĩa là Phật thuộc phẩm Thượng, Độc giác thuộc phẩm Trung, Thanh văn thuộc phẩm Hạ. Lại nữa, người lợi căn là phẩm Thượng, người trung căn là phẩm Trung, người độn căn là phẩm hạ. Công đức hữu vi tuy có vô lượng, mà năm căn này thù thắng nhất cho nên thiết lập làm Uẩn.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo nên biết! Chỉ có nên cứu cánh chứ không có cứu cánh nào khác...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì cần phải phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Chỉ có nên cứu cánh chứ không có cứu cánh nào khác.” Tuy nói ra như vậy mà không phân biệt, là cứu cánh siêng năng dũng mãnh, hay

là cứu cánh của sự việc thành tựu? Kinh là nơi nương tựa của Luận này, điều gì trong kinh không nói thì nay cần phải nói đến, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Cứu cánh có hai, nói nên là như thế nào?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Hai cứu cánh này, mỗi nên loại chỉ có nên cho nên nói là nên”. Nghĩa là chỉ có nên cứu cánh của siêng năng dũng mãnh, chứ không có cứu cánh của siêng năng, dũng mãnh nào khác nữa, và chỉ có cứu cánh của sự việc thành tựu, chứ không có cứu cánh của sự việc thành tựu nào khác nữa. Như Đức Thế tôn nói: “Chỉ có nên Đế chứ không có Đế thứ hai nào khác nữa. Đế ấy cũng mỗi nên loại chỉ có nên loại cho nên nói là nên”. Nghĩa là chỉ có nên khổ Đế, chứ không có Khổ Đế thứ hai nào khác nữa, cho nên chỉ có nên Đạo đế, chứ không có đạo đế thứ hai nào khác nữa. Ở đây cũng như vậy, cho nên nói là nên. Có người đưa ra cách nói như vậy: Vì ngăn chặn tà đạo, tà giải thoát của ngoại đạo cho nên nói là nên. Nghĩa là các ngoại đạo vọng chấp các loại lửa hình, tự nhin đối nằm trên tro than nướ không khí theo mặt trời mà chuyển động, hoặc chỉ uống nước ăn trái cây ăn phân dơ, mặc áo rách nát nằm trên cây trên sỏi đá, lao xuống vách núi nhảy vào ngọn lửa, đi lại như trâu, bò..., cho là đạo chân thật. Đức Phật vì ngăn chặn điều ấy mà nói như vậy. Đó là sự luyện tập của người ngu dốt tà đạo, Đạo chân thật chỉ có nên chứ không đạo chân thật thứ hai nào khác nữa, không có thân, ý không có giới hạn, đời quy tụ sạch sẽ tháp miếu... là sự giải thoát chân thật. Đức Phật vì ngăn chặn điều ấy mà nói như vậy: Đó là nơi sinh ra chứ không phải là sự giải thoát chân thật, sự giải thoát chân thật chỉ có nên, gọi là cứu cánh của sự việc thành tựu.

Có Sư khác nói: Chỉ có nên cứu cánh của siêng năng dũng mãnh có năng lực đoạn trừ nhân của sinh tử, chỉ có nên cứu cánh của sự thành tựu có năng lực loại bỏ khổ đau của sinh tử, cho nên nói là nên chứ không phải là có hai loại. hoặc có người nói: Cứu cánh chỉ có nên, đó là cứu cánh của sự việc thành tựu. Vì chứng được điều này cho nên tu tập cứu cánh của siêng năng dũng mãnh, do đó nói cứu cánh chỉ có nên chứ không có hai.

Lại có người: Ngoại đạo đều đối với tông chỉ của chính mình khởi lên ý tưởng là cứu cánh. Đức Phật vì ngăn chặn điều ấy nó nói như vậy. Trong cách nói pháp không tốt sẽ không có cứu cánh chân thật, do thói quen của người ngu không có năng lực vĩnh viễn lìa bỏ tham-sân-si, trong cách nói pháp tốt lành có cứu cánh chân thật do thói quen của người trí có năng lực vĩnh viễn lìa bỏ tham-sân-si.

Hoặc lại có người nói: Không phải Đức Phật muốn hiển bày cứu cánh chân thật cho nên nói chỉ có là nên, mà chỉ vì biểu hiện rõ ràng về sai lầm của ngoại đạo. Nghĩa là các ngoại đạo nổi lên tranh luận với nhau, người dấy khởi Đoạn Kiến thì chấp Đoạn làm cứu cánh, bác bỏ Thường kiến là sai; người dấy khởi Thường Kiến thì chấp Thường làm cứu cánh, bác bỏ Đoạn kiến là sai. Vì hiển bày sai lầm của họ, Đức Phật đã nói như vậy: Nếu Đoạn là cứu cánh thì Thường kiến phải sai trái, nếu Thường là cứu cánh thì Đoạn kiến phải sai trái, bởi vì cứu cánh chỉ có nên chứ không có cứu cánh thứ hai, cho nên chấp đoạn - chấp Thường đều không phải là cứu cánh.

Hỏi: Trong này pháp nào gọi là cứu cánh?

Đáp: Đức Thế Tôn có lúc đối với đạo nói với âm là cứu cánh, có lúc đối với đoạn nói âm là cứu cánh. Nhân quả xuất thế đều cứu cánh cho nên đối với đạo nói âm là cứu cánh, như Đức Thế Tôn nói:

“Nên loại thông minh mà kiêu mạn, không thể nào biết được cứu cánh.

Bởi vì loại ấy không chứng đạo, cho nên không điều phục mà chết.”

Nên loại, đó là là ngoại đạo. Họ quả thật ngu si, tự mình thông tuệ mà sinh ra kiêu mạn, cho nên gọi là thông minh mà kiêu mạn. Cứu cánh, nghĩa là cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh. Ngoại đạo đối với cứu cánh này không thấy biết đúng như thật, cho nên gọi là không thể nào biết được. Tám chi Thánh đạo gọi là đạo, ngoại đạo đối với đạo này vì không thể nào chứng được, cho nên không biết như thật. Không điều phục mà chết, nghĩa là có phiền não phát sinh có phiền não mà chết, bởi vì không có được đạo điều phục chân thật. Đối với đoạn nói âm là cứu cánh, như Đức Thế Tôn nói:

“Người đã đến được nơi cứu cánh, không còn sợ không còn nghi hối. Vĩnh viễn nhỏ mũi tên của Hữu, người ấy trú thân đời sau cuối. Đây chính là cứu cánh bậc nhất, dấu tích của tịch tĩnh vô thượng, Dấu tích của bất tử sinh thanh tịnh, bởi vì các tướng đều không còn.”

Cứu cánh, nghĩa là cứu cánh của sự việc thành tựu. Đã có năng lực đến được nơi ấy thì gọi là đã đến được nơi. Không còn sợ, nghĩa là khéo thông đạt về pháp duyên khởi, khéo tu tập về Không giải thoát môn, cho nên không sợ nẻo ác và khổ đau của sinh tử. Không còn nghi, nghĩa là không giống như ngoại đạo trú trong ác luật nghi và tà trí kiến, phát khởi các loại ngôn thuyết do dự, nghi ngờ do mình mà chứng. Không còn hối, nghĩa là đã đoạn trừ cái biết tất cả về giới cấm thủ, và đã sinh

khởi về trí cứu cánh, cho nên không có gì thay đổi hối tiếc. Mũi tên của Hữu, đó là hai loại mũi tên của Hữu:

1. Mũi tên ái.
2. Mũi tên Kiến.

Khéo tu tập Thánh đạo đạt được sự đoạn trừ cái biết tất cả, loại bỏ hoàn toàn mọi biến đổi, vĩnh viễn không còn lưu chuyển, cho nên gọi là vĩnh viễn nhỏ bỏ. Tự Thế cuối cùng gọi là thân đời sau cuối, vĩnh viễn đoạn dứt nhân duyên không còn nhận chịu sinh tử trong đời vị lai, cho nên nói là người ấy trú thân đời sau cuối. Đây chính là cứu cánh bậc nhất, nghĩa là cứu cánh của sự việc thành tựu, đối với cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh, vượt qua hẳn điều ấy cho nên gọi là bậc nhất. Dấu tích của tịch tĩnh vô thượng, ba thứ lửa chấm dứt cho nên gọi là trí tịch tĩnh, lập thành nơi chốn cho nên gọi là dấu tích, hơn hẳn trong mọi dấu tích cho nên gọi là Vô thượng. Dấu tích của bất tử thanh tịnh, dấu tích như trước đã nói, lìa xa các phiền não tùy phiền não cho nên gọi là thanh tịnh, thường trú không có gì thay đổi cho nên gọi là bất tử. Bởi vì các tướng đều không còn, nghĩa là trong Niết-bàn đều vắng lặng không còn các tướng của khổ, nghiệp, phiền não.

Lại trong kinh nói: “Có nên Phạm chí tên là Số-mục-liên, đi đến nơi Đức Phật thưa hỏi Đức Phật rằng: Thưa Kiều-đáp-ma tôn quý! Ngài giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ kheo..., họ tiếp nhận lời dạy rồi, đều có thể chứng được cảnh giới Niết-bàn cứu cánh cao nhất hay không? Đức Thế Tôn bảo rằng: Sự việc này không nhất định, nên loại có năng lực chứng được, nên loại thì không chứng được”.

Ở đây cũng đối với đoạn nói âm là cứu cánh, bởi vì Niết-bàn chính là cứu cánh của sự đoạn trừ. Lại nữa, có siêng năng dũng mãnh, có cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh, có sự việc thành tựu, có cứu cánh của sự việc thành tựu.

Hỏi: Thế nào là siêng năng dũng mãnh? Thế nào là cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh? Thế nào là sự việc thành tựu? Thế nào là cứu cánh của sự việc thành tựu?

Đáp: Đạo của dị sinh là siêng năng dũng mãnh, chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh; họ đã đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là cứu cánh của sự việc thành tựu. Đạo của Thánh giả là siêng năng dũng mãnh là cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh; họ đã được đoạn trừ là sự việc thành tựu, là cứu cánh của sự việc thành tựu. Lại nữa, đạo hữu lậu là siêng năng dũng mãnh, chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dũng mãnh; điều mà đạo ấy

được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là sự việc cứu cánh của sự việc thành tựu. Đạo vô lậu là siêng năng dững mãnh, là sự cứu cánh của sự siêng năng dững mãnh; điều mà đạo ấy đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, là cứu cánh của sự việc thành tựu. Lại nữa, Đạo của Hướng là siêng năng dững mãnh chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dững mãnh, đạo ấy mà đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là cứu cánh của sự việc thành tựu. Lại nữa, Đạo của Quả là siêng năng dững mãnh chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dững mãnh, đạo ấy mà đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là cứu cánh của sự việc thành tựu. Lại nữa, Đạo của Học là siêng năng dững mãnh chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dững mãnh, đạo ấy mà đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là cứu cánh của sự việc thành tựu. Lại nữa, Đạo của Vô học là siêng năng dững mãnh chứ không phải là cứu cánh của sự siêng năng dững mãnh, đạo ấy mà đạt được đoạn trừ là sự việc thành tựu, chứ không phải là cứu cánh của sự việc thành tựu.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Có những ngoại đạo tuy cùng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về các thủ, mà họ không có năng lực thi thiết đầy đủ, nghĩa là họ chỉ thi thiết sự đoạn trừ cái biết về Dục thủ-Kiến thủ-giới thủ chứ không phải là Ngã ngữ thủ. Điều này có nghĩa gì?”

Hỏi? Vì sao soạn ra phần Luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Có những ngoại đạo...” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không phân giải rộng hơn về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều trong kinh không giải thích thì nay đều cần phải giải thích rộng ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Ý câu hỏi trong này có ba loại khác biệt:

1. Hỏi về ngoại đạo thật sự không biết rõ ràng về nghĩa đoạn trừ các thủ, vì sao Đức Thế Tôn nói là cùng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về các Thủ?

2. Hỏi về ngoại đạo thật sự không có năng lực nói đến sự đoạn trừ cái biết về các Thủ, vì sao Đức Thế Tôn nói là họ thi thiết sự đoạn trừ cái biết về ba Thủ?

3. Hỏi về ngoại đạo cũng có năng lực đoạn trừ phần ít Ngã ngữ thủ, lẽ nào không thi thiết mà chỉ nói đoạn trừ ba thủ?

Ở trong ba câu hỏi này, trước tiên trả lời câu hỏi thứ hai, nghĩa là các ngoại đạo thật sự không có năng lực nói đến sự đoạn trừ cái biết

về các Thủ, vì sao Đức Thế Tôn nói là họ thi thiết sự đoạn trừ cái biết về ba Thủ?

Có người đưa ra cách nói như vậy: Đây là Đức Thế Tôn nói pháp nên cách kinh suất. Người ấy không nên nói như thế, nguyên cố thế nào? Bởi vì Đức Thế Tôn nói pháp không phải là hoàn toàn không có nguyên nhân hoặc là nên ít nguyên nhân. Nghĩa là người ấy đã nói là bài báng Đức Thế Tôn, cho nên cần phải ngăn chặn, chỉ trích, can gián điều trái ngược. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Đức Thế Tôn vĩnh viễn lìa xa lời nói vô nghĩa, điều đã nói ra đều phù hợp thì chắc chắn có nhiều lợi ích, dựa vào thừa ruộng, dựa vào đồ dùng mà rưới làn mưa giáo pháp nhân duyên to lớn thì mới nói pháp. Vì vậy tất cả lời nói của Đức Thế Tôn nói ra, đều khiến cho hữu tình đạt được nhiều lợi lạc. Do đó, người ấy đã nói chính là bài báng Đức Thế Tôn.

Lại có người nói: Lời nói này hiển bày người kia đoạn trừ được phần ít về Thủ. Người ấy không nên nói như thế, nguyên cố thế nào? Bởi vì dị sinh cũng có năng lực đoạn trừ được phần ít Ngã ngữ thủ. Nghĩa là người ấy đã nói không thuận theo chánh lý, cho nên cần phải ngăn chặn, chỉ trích, can gián điều trái ngược. Nguyên cố thế nào? Bởi vì như có dị sinh ở phần vị lìa nhiễm Dục hoàn toàn đoạn trừ Dục thủ, từ phần vị lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, có thể đoạn trừ được phần ít Kiến thủ, Giới thủ. Như vậy, từ phần vị lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến phần vị lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, cũng có năng lực đoạn trừ được phần ít Ngã ngữ thủ. Nếu đoạn trừ được phần ít mà thi thiết, thì cũng cần phải thi thiết sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ, vì vậy người ấy đã nói không thuận theo chánh lý.

Nhưng Phật Thế Tôn đã ví vô lượng đại chúng trời, người mà nói rộng về pháp quan trọng, khai mở rõ ràng không có gì trái ngược, khiến cho tùy theo chủng loại đều hiểu được. Có những ngoại đạo, trộm nghe Đức Phật nói về tên gọi như Uẩn Giới Xứ Cái Niệm trú cho đến Giác chi..., hoặc có lúc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, những ngoại đạo này nếu có người được nghe tên gọi của Dục thủ, liền dấy lên nói như vậy: Mình cũng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về Dục thủ. Nếu có người được nghe tên gọi của Kiến thủ thì dấy lên nói như vậy: Mình cũng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về Kiến thủ. Nếu có người được nghe tên gọi của Giới thủ, thì dấy lên nói như vậy: Mình cũng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về Giới thủ.

Đây là Luận chủ dựa vào thắng nghĩa mà trả lời, đối với lý không có gì trái ngược bởi vì không có bài báng Đức Phật. Nghĩa là lúc Đức

Thế Tôn chưa xuất thế, các hạng ngoại đạo có được nhiều danh lợi, lúc Đức Phật đã xuất thế thì các hạng ngoại đạo bị che khuất, như mặt trời mọc rồi thì ánh sáng của đom đóm ẩn mất, danh lợi và đồ chúng dần dần giảm bớt. Họ liền tụ tập nên nơi để cùng nhau bàn bạc: Lúc Kiều-đáp-na chưa xuất thế, danh lợi của thế gian đều thuộc về chúng ta, đã xuất thế rồi thì lập tức đều về với người ấy; nhưng Kiều-đáp-na không có thật đức hơn hẳn so với chúng ta, mà chỉ giỏi về kinh luận, hình dung tướng mạo đoán nghiêm chúng ta không sánh kịp; tuy hình dung tướng mạo ấy khó có thể làm cho mất đi, mà kinh luận của ông ấy dễ dàng có thể lấy trộm, chúng ta nếu có được thì vẫn còn có danh lợi tìm đến. Họ lại cùng nhau bàn bạc: Tô-thi-ma là bậc thông minh trí tuệ, có trí nhớ ưu việt, nếu sai người ấy đi đến nơi Kiều-đáp-na, xin làm người theo học, ông ta chắc chắn sẽ nói về nhiều kinh luận cho học trò, nghe rồi sẽ trở về nói lại cho chúng ta. Bàn bạc rồi họ cùng nhau đi đến chỗ Tô-thi-ma, thăm hỏi khuyến khích người ấy. Người ấy liền nhận lời chỉ dạy, đi đến nơi Đức Phật để tìm cách trộm lấy pháp. Đức Phật dùng mười lực-bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng nói rộng về pháp quan trọng. Lúc ấy ngoại đạo kia đi kinh hành gần bên cạnh, vì trộm lấy pháp cho nên tâm tư run rẩy trống rỗng, đối với lời nói đầy đủ thì không thể nào tiếp nhận đầy đủ, hoặc có thể tiếp nhận đầy đủ mà không hiểu rõ ý nghĩa. Nhưng pháp quan trọng mà Phật Thế Tôn đã nói, hoặc có lúc đầy đủ, hoặc là không đầy đủ, đối với những việc đã làm thì không có gì không đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Nếu các hữu tình có thể trú vào trong thân, quán sát theo thân thì như đất trên móng tay ; nếu các hữu tình không trú vào trong thân, quán sát theo thân thì như đất trên mặt đất.” Kinh này đã nói đối với những việc đã làm tuy gọi là đầy đủ, mà đối với những điều đã nói thì gọi là không đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Bốn loại Niệm trú”. Kinh này đã nói cả hai đều đầy đủ. Như trong kinh nói: “Sáu giới Năm cái Bảy Giác chi...” Đối với những việc tuy gọi là đầy đủ, mà đối với những việc đã nói thì gọi là không đầy đủ. Như trong kinh nói: “Mười tám Giới, mười Cái, mười Bốn giác chi...” Kinh này đã nói cả hai đều đầy đủ.

Như vậy Đức Phật giảng nói hoặc có đầy đủ, hoặc không đầy đủ, mà ngoại đạo ấy không có năng lực tiếp nhận đầy đủ, hoặc uy là tiếp nhận đầy đủ nhưng không hiểu rõ nghĩa, tùy theo những gì đã thọ trì mà thi thiết sai lầm. Để chứng minh cho nghĩa này lại dẫn trong kinh: “Như nhiều Tỳ kheo tập trung ở nên nơi, có những ngoại đạo đi đến như vậy: Như Kiều-đáp-na vì các đệ tử mà nói rộng về pháp quan trọng, nghĩa là

nói thế này: Tỳ kheo các ông cần phải đoạn trừ năm Cái. Năm cái như vậy có thể làm cho tâm bị nhiễm ô, khiến cho Tuệ lực yếu kém, tổn hại đến Giác phần, chướng ngại đến Niết-bàn. Đối với Bốn niệm trú cần phải khéo léo trú tâm, đối với Bảy Giác chi cần phải siêng năng tu tập. Chúng ta cũng có thể vì các đệ tử nói về pháp quan trọng này, thì pháp quan trọng mà Kiều-đáp-ma đã nói, so với chúng ta có khác gì nhau, mà nay các ông chỉ quay về với các ông ấy chăng?”

Nhưng ngoại đạo kia còn không có năng lực nhận biết được Danh tướng của Năm cái, huống là có thể hiểu được sự an trú trong Bốn niệm trú, tu tập bảy Giác chi hay sao? Nhưng trộm nghe lời Đức Phật đã nói cho nên dấy lên nói như vậy, thì thiết sự đoạn trừ về các Thủ nên biết cũng như vậy. Nghĩa là ngoại đạo kia cùng sống với Cái cùng chết với Cái, hãy cần không nhận biết được Cái, huống là biết được năng lực đối trị của Niệm trú, Giác chi hay sao?

Để hiển bày lý này lại dẫn ra chứng cứ khác: “Lại như ngoại đạo Ma-kiền-địa-ca, không biết thân mình là nơi quy tụ mọi bệnh tật, không dẫn lại trong sát-na mà hoàn là Khổ Không Vô ngã, đi đến nơi Đức Phật vô bụng mà nói: Nay thân này của tôi đã không có các bệnh tật, nên biết chính là Niết-bàn cứu cánh”

Ngoại đạo kia hãy còn không biết về danh tướng của không có bệnh là gì, huống hồ có thể hiểu được Niết-bàn cứu cánh hay sao? Nhưng trộm nghe lời Đức Phật đã nói cho nên dấy lên nói như vậy, thì thiết sự đoạn trừ về các Thủ nên biết cũng như vậy. Nghĩa là thân ngoại đạo kia không có đau đớn khổ sở mà chấp là không có bệnh tật, được ăn uống ngon lành thì chấp là Niết-bàn. Ngoại đạo ấy hãy còn không biết bốn đại điều hòa thích hợp thì gọi là không có bệnh tật, huống hồ có thể hiểu được tâm điều hòa thích hợp cho nên gọi là Niết-bàn hay sao? Lại nữa, ngoại đạo ấy hãy không biết Thánh đạo vô lậu gọi là không có bệnh tật, huống hồ có thể hiểu được đạo quả cứu cánh gọi là Niết-bàn hay sao? Nhưng trộm nghe lời Đức Phật đã nói mà dấy lên nói xằng bậy như vậy, thì thiết sự đoạn trừ về các Thủ nên biết cũng như vậy.

Trả lời câu hỏi thứ hai xong, tiếp đến trả lời câu hỏi thứ ba: Vì sao ngoại đạo chỉ có thi thiết sự đoạn trừ cái biết về ba Thủ chứ không phải là Ngã ngữ thủ? Ở đây hỏi về ngoại đạo cũng có năng lực đoạn trừ phần ít Ngã ngữ thủ, lẽ nào không thiết thi?

Đáp: Ngoại đạo kia suốt đời chấp có Ngã chân thật và hữu tình, thân mạng, sinh trưởng, ngăn lực nuôi dưỡng cùng Bồ-đặc-già-da. Ngoại đạo kia đã chấp có Ngã chân thật..., lẽ nào chấp nhận thi thiết

sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ, thì rời bỏ tông chỉ của mình quay lại dựa vào cách nhìn của người khác, vì vậy không thi thiết sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ. Lại nữa các ngoại đạo kia chấp có Ngã cho nên sợ hãi Vô ngã, như đứng trước hố sâu, cho nên không thi thiết sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ. Lại nữa, các ngoại đạo kia dấy lên ý niệm như vậy: Có Ngã cho nên sống, nếu không có Ngã không có thân mạng thì sẽ trở thành không sống. Vì vậy không thi thiết đoạn trừ Ngã ngữ thủ. Lại nữa các ngoại đạo kia dấy lên ý niệm như vậy: Nếu mình thi thiết sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ, thì người chung phạm hạnh hãy còn khinh rẽ mình rồi bỏ mình mà đi, huống hồ người khác sợ hãi khinh rẽ hay sao? Vì vậy không thi thiết sự đoạn trừ Ngã ngữ thủ.

Trả lời câu hỏi thứ ba xong, tiếp đến trả lời câu hỏi thứ nhất: Nói là cúng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về các Thủ, điều này có nghĩa gì? Ý câu hỏi này nói: Các ngoại đạo kia thật sự không biết rõ ràng về nghĩa đoạn trừ các Thủ, vì sao Đức Thế Tôn nói là cúng thi thiết sự đoạn trừ cái biết về các Thủ?

Đáp: Đây là Phật Thế Tôn tùy theo lời ngoại đạo kia nói, nghĩa là ngoại đạo kia tự nói mình biết rõ ràng, Đức Thế Tôn thuật lại điều họ nói chứ không phải là tự ý mình nói.

Để chứng minh về nghĩa này cho nên lại dẫn trong kinh: “Như Đức Phật Thế Tôn nói: Các ngoại đạo kia thi thiết là Thật có hữu tình đoạn diệt hư hoại.” Nhưng dựa vào thẳng nghĩa thì không thật có hữu tình, chỉ tùy theo lời họ nói mà đưa ra cách nói như vậy. Điều này cũng như vậy, cho nên không có gì sai lầm, bởi vì không phải là thuật lại lời người khác nói thì cùng chung ý với họ.

